

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 10 - 2025
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm F, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trịnh Đình C, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm F, xã H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị H và anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trịnh Đình C có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) ngày 09/09/2011 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì không còn hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng ý kiến, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân gần 02 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị H nhận thấy không còn tình cảm

với anh C, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc cùng nhau nên xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Trịnh Vũ Mai P, sinh ngày 10/4/2012 và Trịnh Vũ Đăng K, sinh ngày 27/12/2014. Hiện cả hai con đang ở cùng anh C. Khi ly hôn chị H muốn trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị H đang là làm spa, thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trịnh Đình C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc chị H và anh C có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) và diễn biến cuộc sống vợ chồng như chị H trình bày là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H đi làm ăn ở xa khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh C không nhất trí ly hôn vì anh muốn giữ mái ấm gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang bán quán bia và đồ nhậu tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung, nợ chung về tài sản của vợ chồng: Anh C không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị H, bị đơn anh Trịnh Đình C vắng mặt nhưng đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Trịnh Đình C có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (nay là xã H, tỉnh Ninh Bình) ngày 09/09/2011 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì không còn hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng ý kiến, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến

nay, chấm dứt mọi quan hệ, tình cảm với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, thấy thực tế hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh C không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân 2 năm nay, chấm dứt mọi sự quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh C mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H và anh C vẫn không thể đoàn tụ. Như vậy, cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh C không thể tiếp tục do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị Vũ Thị H và anh Trịnh Đình C có hai con chung là cháu Trịnh Vũ Mai P, sinh ngày 10/4/2012 và cháu Trịnh Vũ Đăng K, sinh ngày 27/12/2014. Hiện cả hai con đang ở cùng anh C. Khi ly hôn, chị H và anh C đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H trình bày hiện chị đang làm spa, thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng. Anh C trình bày hiện anh đang bán quán bia và đồ nhậu tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Hai con chung đều có nguyện vọng ở với chị H. Xét thấy, nguyện vọng của chị H, anh C đều hợp pháp và anh chị đều không thuộc trường hợp bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh chị đều làm nghề tự do và không chứng minh được mức thu nhập và theo quy định của pháp luật thì cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên. Do đó, để đảm bảo quyền lợi, công bằng cho các bên và đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con chung phát triển, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Trịnh Vũ Mai P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Vũ Đăng K cho anh Trịnh Đình C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, chị H và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay hai con chung đang ở cùng anh C nên anh C phải có trách nhiệm giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng khi chị H yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Vũ Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Trịnh Đình C.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Trịnh Vũ Mai P, sinh ngày 10/4/2012 cho chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Giao cháu Trịnh Vũ Đăng K, sinh ngày 27/12/2014 cho anh Trịnh Đình C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị H và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền và nghĩa vụ đối với các con chung theo quy định của pháp luật. Hiện cháu P và cháu K đang ở cùng anh C nên anh C có nghĩa vụ giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và ngay sau khi chị H có yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị H phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0001660 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hải Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân